



CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
đã được kiểm toán*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84 8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84 8) 3910 4880
CN Hà Nội: Số 15, ngõ 640, đường Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội Tel: (84 4) 3793 1428 / Fax: (84 4) 3793 1429

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	5 – 33
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 – 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Solavina (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Solavina được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101612880 ngày 21 tháng 02 năm 2005 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh nông sản.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hồng Quang	Chủ tịch	
Ông Lê Trường Sơn	Ủy viên	
Ông Lê Hoài Hưng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2016
Ông Nguyễn Đức Tiến	Ủy viên	
Bà Trần Thị Chinh	Ủy viên	
Bà Bùi Thị Ngọc Yến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2016

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Cường	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2017
Ông Nguyễn Bảo Trung	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2016
		Miễn nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2017
Ông Nguyễn Đức Tiến	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2016
Ông Lê Hoài Hưng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2016
Bà Trần Thị Chinh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2017

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Nguyễn Mạnh Cường



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Solavina, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Solavina tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Giám đốc

Kiểm toán viên



Bùi Thị Ngọc Lân

Trần Thị Lành

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2014-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		129.717.311.348	74.176.175.394
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	913.723.035	389.448.787
1.	Tiền	111		913.723.035	389.448.787
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		119.858.383.271	51.676.088.342
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	114.569.929.875	37.190.537.301
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		78.272.500	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	5.163.000.000	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	47.180.896	14.485.551.041
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	8.871.672.523	21.220.545.285
1.	Hàng tồn kho	141		8.871.672.523	21.220.545.285
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		73.532.519	890.092.980
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	5.950.742	50.500.000
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		67.581.777	839.592.980
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		117.096.055.361	187.915.018.211
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		76.500.000	76.500.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	76.500.000	76.500.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		1.465.570.113	-
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	1.465.570.113	-
	- Nguyên giá	222		1.542.705.384	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(77.135.271)	-
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	114.972.764.000	187.800.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		30.422.764.000	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	170.030.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		84.550.000.000	17.770.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		581.221.248	38.518.211
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	581.221.248	38.518.211
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		246.813.366.709	262.091.193.605

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		24.773.472.520	53.025.038.893
I.	Nợ ngắn hạn	310		24.073.472.520	53.025.038.893
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	20.502.036.679	44.899.679.185
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		200.000.000	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.006.472.910	2.362.352.373
4.	Phải trả người lao động	314		60.959.934	53.463.622
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	45.000.000	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	41.727.417	5.692.268.137
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	200.000.004	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.275.576	17.275.576
II.	Nợ dài hạn	330		700.000.000	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.09	700.000.000	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		222.039.894.189	209.066.154.712
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	222.039.894.189	209.066.154.712
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	200.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000	200.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		87.934.868	87.934.868
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		136.465.222	136.465.222
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.815.494.099	8.841.754.622
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		8.841.754.622	1.676.636.387
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.973.739.477	7.165.118.235
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		246.813.366.709	262.091.193.605

Hà Nội, ngày ... tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Chinh

Trần Thị Chinh

Nguyễn Mạnh Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	85.355.195.080	79.875.770.690
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		85.355.195.080	79.875.770.690
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	80.678.591.146	76.631.602.156
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.676.603.934	3.244.168.534
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	7.377.417.103	7.021.765.024
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	36.114.860	143.481.396
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		36.114.860	143.481.396
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	1.580.386.036	1.407.602.661
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.437.520.141	8.714.849.501
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	-	699.544.642
12.	Chi phí khác	32	VI.06	5.400.812.236	83.783.241
13.	Lợi nhuận khác	40		(5.400.812.236)	615.761.401
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.036.707.905	9.330.610.902
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	2.062.968.428	2.165.492.667
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.973.739.477	7.165.118.235
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		Không áp dụng	Không áp dụng
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		Không áp dụng	Không áp dụng

Người lập biểu



Trần Thị Chinh

Kế toán trưởng



Trần Thị Chinh

Hà Nội, ngày ... tháng 3 năm 2017



Giám đốc

Nguyễn Mạnh Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		5.036.707.905	9.330.610.902
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		77.135.271	256.928.144
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.377.417.103)	(7.721.305.428)
-	Chi phí lãi vay	06		36.114.860	143.481.396
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(2.227.459.067)	2.009.715.014
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.581.196.274	8.892.515.300
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.348.872.762	(10.137.383.516)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(29.771.548.407)	14.498.920.610
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(498.153.779)	128.183.705
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(36.114.860)	(148.867.396)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.442.986.398)	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(5.046.193.475)	15.243.083.717
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.542.705.384)	(2.000.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	2.308.181.818
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.663.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.500.000.000	400.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(30.422.764.000)	(19.300.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		30.162.500.000	7.020.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.636.437.103	21.765.024
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(5.329.532.281)	(9.552.053.158)

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		10.000.000.000	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		1.000.000.000	5.219.412.500
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(99.999.996)	(10.087.412.500)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(524.333.332)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.900.000.004	(5.392.333.332)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		524.274.248	298.697.227
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		389.448.787	90.751.560
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		913.723.035	389.448.787

Hà Nội, ngày ... tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Chinh



Trần Thị Chinh



Nguyễn Mạnh Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh nông sản.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách Công ty con gồm:

<i>Tên Công ty con</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>
Công ty Cổ phần Dược liệu Solavina Hòa Bình	Xóm Bãi Đa, xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

03. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------------|--------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 năm |

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa bán trong năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	887.536.430	306.407.143
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.186.605	83.041.644
Cộng	913.723.035	389.448.787

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm				Số đầu năm					
	% lợi ích	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	% lợi ích	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào công ty con + Công ty Cổ phần Dược liệu Solavina Hòa Bình ^(a)	92,68	75,00	30.422.764.000 30.422.764.000	- -	30.422.764.000 30.422.764.000	- -	- -	- -	- -	- -
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết + Công ty Cổ phần Đầu tư Merici Việt Nam ^(b)			- -	- -	- -	43,26	43,26	170.030.000.000 170.030.000.000	- -	170.030.000.000 170.030.000.000
- Đầu tư vào đơn vị khác + Công ty Cổ phần Đầu tư Merici Việt Nam ^(b)	19,73	19,73	84.550.000.000 77.530.000.000	- -	84.550.000.000 77.530.000.000	- -	- -	17.770.000.000 -	- -	17.770.000.000 -
+ Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai Khoáng ^(c)	-	-	-	-	-	12,95	12,95	10.750.000.000	-	10.750.000.000
+ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Nhật ^(d)	19,00	19,00	3.420.000.000	-	3.420.000.000	19,00	19,00	3.420.000.000	-	3.420.000.000
+ Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Công ^(e)	18,00	18,00	3.600.000.000	-	3.600.000.000	18,00	18,00	3.600.000.000	-	3.600.000.000
Cộng			114.972.764.000	-	114.972.764.000			187.800.000.000	-	187.800.000.000

(a) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã đầu tư 30.422.764.000 đồng (tương đương 3.042.276 cổ phần) vào Công ty Cổ phần Dược liệu Solavina, chiếm 75,00% vốn điều lệ tại Công ty.

(b) Trong năm, Công ty chuyển nhượng 925.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Merici Việt Nam cho ông Đoàn Quang Anh với giá chuyển nhượng là 100.500 đồng/cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm giữ 775.300 cổ phần, mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần, tương ứng tỷ lệ 19,73% vốn điều lệ tại Công ty.

(c) Giá trị khoản đầu tư giảm trong năm là 10.750.000.000 đồng, do Công ty chuyển nhượng lại 1.075.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng cho ông Nguyễn Hải Đăng theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 12 tháng 01 năm 2016, giá chuyển nhượng là 16.000 đồng/cổ phần.

(d) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm giữ 342.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tương ứng 19,00% vốn điều lệ.

(e) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty nắm giữ 180.000 cổ phần, mệnh giá 20.000 đồng/cổ phần, tương ứng 18,00% vốn điều lệ.

(*): Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định bằng giá trị ghi sổ do không có cơ sở để xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	114.569.929.875	37.190.537.301
- Ông Đoàn Quang Ảnh	80.000.000.000	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Thương mại Xuất khẩu Hưng Yên	18.480.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Bảo Lộc Hà Việt	13.035.514.888	-
- Công ty TNHH Nông sản Nam Á	-	31.430.500.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 475	2.693.793.395	2.693.793.395
- Công ty TNHH Thép và Vật tư Hoàng Hải	-	2.705.622.314
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	360.621.592	360.621.592
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	114.569.929.875	37.190.537.301
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Công ty TNHH Đầu tư Bảo Lộc Hà Việt	13.035.514.888	-
Cộng	13.035.514.888	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
- Ông Nguyễn Huy Dũng (*)	5.163.000.000	-	-	-
b. Dài hạn				
-	-	-	-	-
Cộng	5.163.000.000	-	-	-

(*): Là khoản cho vay tín chấp theo hợp đồng tín dụng ngày 01 tháng 10 năm 2016, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0,75%/tháng.

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
- Tạm ứng	47.180.896	-	14.485.551.041	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	18.186.656	-	2.315.620.801	-
- Phải thu khác	-	-	550.000.000	-
+ Ông Nguyễn Hải Đăng	28.994.240	-	11.619.930.240	-
+ Ông Nguyễn Đức Tiến	-	-	9.980.000.000	-
+ Công ty CP ĐT và PT Năng Lượng Việt Nam	-	-	439.416.000	-
(lãi đầu tư phải thu)	-	-	1.171.520.000	-
+ Các khoản phải thu khác	28.994.240	-	28.994.240	-
b. Dài hạn				
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	76.500.000	-	76.500.000	-
-	76.500.000	-	76.500.000	-
Cộng	123.680.896	-	14.562.051.041	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

06. Hàng tồn kho	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	17.548.000	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ	61.492.958	-	8.958.958	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	560.400.746	-	5.472.236.467	-
- Thành phẩm	66.976.000	-	-	-
- Hàng hoá	8.165.254.819	-	15.739.349.860	-
- Hàng gửi bán	-	-	-	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	8.871.672.523	-	21.220.545.285	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-	-
- Mua trong năm	77.279.929	1.465.425.455	1.542.705.384
<i>Số dư cuối năm</i>	77.279.929	1.465.425.455	1.542.705.384
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-	-
- Khấu hao trong năm	3.863.997	73.271.274	77.135.271
<i>Số dư cuối năm</i>	3.863.997	73.271.274	77.135.271
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	73.415.932	1.392.154.181	1.465.570.113

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.465.425.455 VND và 1.392.154.181 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Hai Bà Trưng.

08. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	5.950.742	50.500.000
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.950.742	-
- Các khoản khác	-	50.500.000
b. Dài hạn	581.221.248	38.518.211
- Chi phí sửa chữa	-	24.761.033
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	43.085.896	13.757.178
- Chi phí thương hiệu	411.900.589	-
- Các khoản khác	126.234.763	-
Cộng	587.171.990	89.018.211

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

09. Vay và nợ thuê tài chính	Đơn vị tính: VND				
	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
a. Vay ngắn hạn	-	-	200.000.004	-	200.000.004
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	200.000.004	-	200.000.004
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Hai Bà Trưng	-	-	200.000.004	-	200.000.004
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	1.000.000.000	300.000.000	700.000.000
b.1. Vay dài hạn	-	-	1.000.000.000	300.000.000	700.000.000
Từ 1 năm đến 5 năm	-	-	1.000.000.000	300.000.000	700.000.000
- Vay ngân hàng	-	-	1.000.000.000	300.000.000	700.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Hai Bà Trưng (*)	-	-	1.000.000.000	300.000.000	700.000.000
Cộng	-	-	1.200.000.004	300.000.000	900.000.004

(*) : Là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng số REF1617300005/HDTD ngày 27 tháng 6 năm 2016, để mua tài sản cố định là xe ô tô Mercedes C200, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất 7,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty CP Thương mại và Xây dựng Nam Hà Nội	20.502.036.679	20.502.036.679	44.899.679.185	44.899.679.185
- Công ty TNHH Thép và Thương mại Việt Ý	3.105.394.588	3.105.394.588	3.105.394.588	3.105.394.588
- Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Xây dựng Hà Nội	-	-	2.660.929.406	2.660.929.406
- Công ty CP Nam Hà Việt Thái	-	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Nông sản Linh Anh	-	-	10.077.563.100	10.077.563.100
- Công ty TNHH Thiên Thành Phát	-	-	13.710.000.000	13.710.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân Huy Hoàng	-	-	10.111.500.000	10.111.500.000
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Nông sản Thăng Long	17.380.000.000	17.380.000.000	5.198.400.000	5.198.400.000
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	16.642.091	16.642.091	35.892.091	35.892.091
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	20.502.036.679	20.502.036.679	44.899.679.185	44.899.679.185

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	124.853.742	-	64.363.602	-	60.490.140
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.234.454.107	2.062.968.428	1.442.986.398	-	2.854.436.137
- Thuế thu nhập cá nhân	-	3.044.524	2.678.020	127.812	-	5.594.732
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	182.148.309	96.196.408	-	85.951.901
Cộng	-	2.362.352.373	2.251.794.757	1.607.674.220	-	3.006.472.910

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	41.727.417	5.692.268.137
- Kinh phí công đoàn	39.710.450	37.839.146
- Bảo hiểm xã hội	2.016.967	109.023.244
- Bảo hiểm y tế	-	2.985.300
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	796.080
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	100.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	5.441.624.367
+ Ông Nguyễn Hồng Quang	-	1.338.943.000
+ Ông Lê Hoài Hưng	-	70.891.209
+ Bà Nguyễn Thị Quyên	-	3.628.831.542
+ Công ty CP Thương mại và Xây dựng Nam Hà	-	367.000.000
Nội		
+ Các đối tượng khác	-	35.958.616
b. Dài hạn	-	-
Cộng	41.727.417	5.692.268.137

13. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	45.000.0000	-
- Chi phí phải trả khác	45.000.000	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	45.000.0000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Vốn chủ sở hữu

c. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	83.562.028	87.934.868	1.729.539.581	201.901.036.477
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	7.165.118.235	7.165.118.235
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	4.372.840	48.530.354	(52.903.194)	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	87.934.868	136.465.222	8.841.754.622	209.066.154.712
Số dư đầu năm nay	10.000.000.000	-	-	-	10.000.000.000
Tăng vốn trong năm nay (*)	-	-	-	2.973.739.477	2.973.739.477
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	11.815.494.099	222.039.894.189

(*): Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần theo chương trình ưu tiên lựa chọn người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQĐHĐCĐ-SOLA ngày 29 tháng 5 năm 2015 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1612/2015/NQHĐQT-SOLA ngày 16 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

d. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Công ty mẹ	-	-	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác:	210.000.000.000	100	200.000.000.000	100
+ Công ty TNHH Đầu tư Bảo Lộc Hà Việt	-	-	56.000.000.000	28,00
+ Công ty CP Đầu tư Xanh Việt Nam	-	-	20.000.000.000	10,00
+ Ông Nguyễn Hồng Quang	20.000.000.000	9,52	20.000.000.000	10,00
+ Ông Triệu Văn Hợi	-	-	20.000.000.000	10,00
+ Ông Nguyễn Ngọc Sơn	-	-	20.000.000.000	10,00
+ Các đối tượng khác	190.000.000.000	90,48	64.000.000.000	32,00
Cộng	210.000.000.000	100	200.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	10.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	210.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	87.934.868	87.934.868
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	136.465.222	136.465.222
Cộng	224.400.090	224.400.090

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	85.355.195.080	74.046.889.434
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	465.000.000
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	5.363.881.256
Cộng	85.355.195.080	79.875.770.690

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Công ty TNHH Đầu tư Bảo Lộc Hà Việt	11.850.468.080	-

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	80.678.591.146	71.143.497.766
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	224.242.427
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	-	5.263.861.963
Cộng	80.678.591.146	76.631.602.156

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	464.917.103	21.765.024
- Lãi bán các khoản đầu tư	6.912.500.000	7.000.000.000
Cộng	7.377.417.103	7.021.765.024

04. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	36.114.860	143.481.396
Cộng	36.114.860	143.481.396

05. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	487.040.404
- Lãi do đánh giá lại tài sản	-	212.500.000
- Các khoản khác	-	4.238
Cộng	-	699.544.642

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng vào SXKD	-	30.000.000
- Chi phí sản xuất dở dang của các công trình không có khả năng thu hồi (*)	5.182.536.431	-
- Các khoản bị phạt	186.348.517	8.486.360
- Các khoản khác	31.927.288	45.296.881
Cộng	5.400.812.236	83.783.241

(*): Xử lý tổn thất theo biên bản ngày 01 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng xử lý của Công ty.

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	1.580.386.036	1.407.602.661
- Chi phí nhân viên quản lý	601.109.141	602.738.411
- Chi phí vật liệu quản lý	69.433.420	38.765.864
- Chi phí đồ dùng văn phòng	-	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	73.271.274	2.685.714
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	477.282.028	642.475.938
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	359.290.173	120.936.734
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	-	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	1.580.386.036	1.407.602.661

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	2.062.968.428	2.165.492.667
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.062.968.428	2.165.492.667

(*) Chi tiết xác định chi phí thuế TNDN năm hiện hành

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.036.707.905
Các khoản điều chỉnh tăng	5.278.134.236
Chi phí không hợp lệ	5.278.134.236
Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập tính thuế TNDN	10.314.842.141
Thuế suất thuế TNDN	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	2.062.968.428

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	122.330.704	38.765.864
- Chi phí nhân công	864.452.429	602.738.411
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	77.135.271	226.928.141
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	551.292.096	794.578.742
- Chi phí khác bằng tiền	317.142.173	2.652.567.536
Cộng	1.932.352.673	4.315.578.694

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay
Thanh lý một phần khoản đầu tư vào Công ty liên kết chưa thu được bằng tiền	80.000.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Hồng Quang - Chủ tịch HĐQT		
Vay tiền	5.996.826.000	1.908.444.000
Trả tiền vay	7.335.769.000	563.666.000
Ông Nguyễn Mạnh Cường – Giám đốc		
Cho vay	3.500.000.000	-
Thu tiền cho vay	3.500.000.000	-
Lãi cho vay	289.229.750	-

Các cá nhân có liên quan

Bà Nguyễn Thị Quyên – vợ ông Lê Hoài Hưng (ủy viên HĐQT)

Vay tiền không tính lãi	-	4.049.046.000
-------------------------	---	---------------

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Nguyễn Hồng Quang - Chủ tịch HĐQT		
+ Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	1.509.834.209
Các cá nhân có liên quan		
Bà Nguyễn Thị Quyên – vợ ông Lê Hoài Hưng (ủy viên HĐQT)		
+ Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	3.628.831.542
Cộng nợ phải trả	-	5.138.665.751

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	109.496.154	272.085.012
Cộng	109.496.154	272.085.012

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con và cổ đông góp vốn.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dược liệu Solavina Hòa Bình	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Lộc Hà Việt	Cổ đông góp vốn (Tại ngày 31/12/2016 không còn là cổ đông của Công ty)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xanh Việt Nam	Cổ đông góp vốn (Tại ngày 31/12/2016 không còn là cổ đông của Công ty)

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ khác với các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, Công ty không còn các công nợ khác với các bên liên quan.

03. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót**Các sai sót**

Trong năm, Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu do sai sót kế toán từ các năm 2012 trở về trước và điều chỉnh số liệu sau khi có kết quả kiểm tra thuế từ năm 2011 đến năm 2015 của Chi cục thuế quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót từ các năm trước và sau khi có kết quả kiểm tra thuế từ năm 2011 đến năm 2015, đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu sau điều chỉnh	Số điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	74.847.652.892	74.176.175.394	(671.477.498)	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	50.975.854.992	51.676.088.342	700.233.350	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	13.785.317.691	14.485.551.041	700.233.350	(1)
IV. Hàng tồn kho	140	22.588.852.206	21.220.545.285	(1.368.306.921)	
1. Hàng tồn kho	141	22.588.852.206	21.220.545.285	(1.368.306.921)	(2)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	893.496.907	890.092.980	(3.403.927)	
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	3.403.927	-	(3.403.927)	(3)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	262.762.671.103	262.091.193.605	(671.477.498)	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	53.988.760.759	53.025.038.893	(963.721.866)	
I. Nợ ngắn hạn	310	53.988.760.759	53.025.038.893	(963.721.866)	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	45.508.559.563	44.899.679.185	(608.880.378)	(4)
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.717.193.861	2.362.352.373	(354.841.488)	(5)

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu sau điều chỉnh	Số điều chỉnh	Ghi chú
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	208.773.910.344	209.066.154.712	292.244.368	
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	8.549.510.254	8.841.754.622	292.244.368	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	1.258.892.019	1.676.636.387	417.744.368	(6)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	7.290.618.235	7.165.118.235	(125.500.000)	(7)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	262.762.671.103	262.091.193.605	(671.477.498)	

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.039.992.667	2.165.492.667	125.500.000	(7)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	7.290.618.235	7.165.118.235	(125.500.000)	(7)

- (1): Phải thu ngắn hạn khác tăng 700.233.350 đồng là do năm 2010 đã ghi nhận giảm khoản tạm ứng và giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước nên điều chỉnh lại. Trong đó: thuế GTGT đầu ra tăng 30.849.480 đồng, thuế TNDN tăng 662.935.419 đồng, thuế TNCN tăng 6.448.451 đồng.
- (2): Hàng tồn kho giảm là do giảm giá trị vật tư do chủ đầu tư (Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công nghiệp Hà Nội) cấp và giảm phải trả người bán 1.309.283.415 đồng và ghi nhận khoản lỗ của công trình Bim Sơn số tiền là 59.023.506 đồng.
- (3): Thuế và các khoản phải thu Nhà nước giảm 3.403.927 đồng là do tăng thuế TNCN phải nộp.
- (4): Phải trả người bán ngắn hạn giảm 608.880.378 đồng là do:
- ✓ Tăng do giảm thuế GTGT phải nộp tương ứng doanh thu ghi nhận phần vật tư do chủ đầu tư cấp đã hạch toán sai, số tiền là 700.403.037 đồng.
 - ✓ Giảm do giảm giá trị vật tư chủ đầu tư cấp nhưng Công ty đang hạch toán trên khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang", số tiền là 1.309.283.415 đồng.
- (5): Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giảm 354.841.488 đồng là do:
- Các khoản điều chỉnh tăng:
 - ✓ Tăng thuế TNCN phải nộp do hạch toán giảm sai từ năm 2010 và 2011, số tiền 3.044.524 đồng.
 - ✓ Tăng thuế GTGT phải nộp do hạch toán giảm sai từ năm 2010 và 2011, số tiền 30.849.480 đồng.
 - ✓ Tăng thuế TNDN phải nộp tương ứng khoản phải thu khác tăng (mục 1) do hạch toán sai từ năm 2010 và 2011, số tiền 662.935.419 đồng.
 - ✓ Tăng thuế TNDN theo biên bản thanh tra thuế 200.024.842 đồng. Trong đó, truy thu thuế TNDN của năm 2015 là 125.500.000 đồng, truy thu thuế TNDN của các năm trước là 74.524.842 đồng.
 - Các khoản điều chỉnh giảm:
 - ✓ Giảm do thuế GTGT tương ứng với doanh thu vật tư hạch toán nhầm, số phải nộp giảm 700.403.037 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- ✓ Giảm thuế TNDN do điều chỉnh sai sót hạch toán nghĩa vụ thuế năm 2011 trở về trước, số tiền 551.462.403 đồng.
- (6): Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước tăng là do tăng lợi nhuận sau thuế từ việc điều chỉnh các sai sót 476.767.874 đồng và giảm do khoản lỗ của công trình Bim Sơn số tiền là 59.023.506 đồng.
- (7): Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay giảm là do tăng thuế TNDN năm 2015 bị truy thu theo kết quả kiểm tra thuế, số tiền là 125.500.000 đồng.

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Toàn bộ hoạt động kinh doanh trong năm nay của Công ty là lĩnh vực thương mại.

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	913.723.035	-	389.448.787	-	913.723.035	389.448.787
Phải thu về cho vay	5.163.000.000	-	-	-	5.163.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	114.598.924.115	-	48.810.467.541	-	114.598.924.115	48.810.467.541
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	84.550.000.000	-	17.770.000.000	-	84.550.000.000	17.770.000.000
Cộng	205.225.647.150	-	66.969.916.328	-	205.225.647.150	66.969.916.328

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số cuối năm	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	20.502.036.679	44.899.679.185	20.502.036.679	44.899.679.185
Vay và nợ	900.000.004	-	900.000.004	-
Chi phí phải trả	45.000.000	-	45.000.000	-
Các khoản phải trả khác	-	5.441.624.367	-	5.441.624.367
Cộng	21.447.036.683	50.341.303.552	21.447.036.683	50.341.303.552

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Tầng 7, số 27 phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**06. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các cá nhân có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	20.502.036.679	-		20.502.036.679
Vay và nợ	200.000.004	700.000.000	-	900.000.004
Chi phí phải trả	45.000.000	-		45.000.000
Các khoản phải trả khác	-	-		-
Cộng	20.747.036.683	700.000.000	-	21.447.036.683
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	44.899.679.185	-		44.899.679.185
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-		-
Các khoản phải trả khác	5.441.624.367	-		5.441.624.367
Cộng	50.341.303.552	-	-	50.341.303.552

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố do sai sót từ các năm 2012 trở về trước và sau khi có kết quả kiểm tra thuế từ năm 2011 đến năm 2015 của Chi cục thuế quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (xem chi tiết VIII.03).

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Trần Thị Chinh

Kế toán trưởng

Trần Thị Chinh

Hà Nội, ngày ... tháng 3 năm 2017

Giám đốc



Nguyễn Mạnh Cường